

30-03-2017

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY-VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 24 /BC-VWTC

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN năm 2016

lth(V)

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội



I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát.

- + Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700647458 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/4/2007; Sửa đổi lần 3 ngày 07/4/2015.
- + Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng.
- + Địa chỉ: 108 Lê Thánh Tông, Hạ Long, Quảng Ninh.
- + Điện thoại: 033 3518069 Fax: 033 3518059
- + Website: vantaithuytkv.vn
- + Email: vantaithuytkv@vnn.vn
- + Mã cổ phiếu: WTC

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Vận tải thủy – TKV (nay là Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN) được thành lập từ ngày 24/4/2007.
- Tháng 12 năm 2009, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty đại chúng.

*** Tình hình hoạt động :**

- Năm 2007: Sau khi thành lập, Công ty nhanh chóng ổn định tổ chức và khẩn trương triển khai các hoạt động kinh doanh. Khi mới thành lập, chưa có phương tiện vận tải nhưng Công ty đã chủ động, tích cực thuê phương tiện bên ngoài để hoạt động.
- Năm 2008: Công ty đã đưa vào khai thác 1 đoàn Sà lan TKV 01 trọng tải 1600 tấn và tiếp tục thuê phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2009: Công ty đã đưa 1 tàu vận tải biển VINACOMIN 01 trọng tải 3000DWT, cấp hạn chế 2 và 1 đoàn Sà lan TKV 03 trọng tải 1600 tấn vào hoạt động. Công ty vẫn tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2010: Công ty đưa 2 tàu VINACOMIN 02; VINACOMIN 03 trọng tải 3000DWT và 1 tàu VINACOMIN Hà Nội, trọng tải 7000DWT vào khai thác. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2011: Công ty đưa 1 tàu VINACOMIN Hạ Long trọng tải 7000DWT vào hoạt động. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2012: Công ty có tổng số 2 tàu 7000DWT, 3 tàu 3000 DWT, 2 đoàn sà lan đang khai thác. Tổng trọng tải là 26.600 Tấn phương tiện. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2013: Do sự cố đâm va, tàu VINACOMIN 03 trọng tải 3000 DWT của công ty bị tổn thất chìm. Tổng số phương tiện khai thác trong năm là 2 tàu 7000 DWT, 2 tàu 3000 DWT và 2 đoàn sà lan. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2014: Công ty tổ chức thuê 01 tàu Vinacomin 05 của Tập đoàn trọng tải 3000 DWT nên tổng số tàu năm 2014 của Công ty gồm: 2 tàu 7000 DWT; 3 tàu 3000 DWT; 2 đoàn sà lan trọng tải 1800 tấn. Tổng trọng tải khai thác là 26.600 tấn, Công ty tiếp tục thuê phương tiện bên ngoài tham gia hoạt động.

- Năm 2015:

+ Từ tháng 01/2015: Công ty đã thuê tàu Vinacomin Cẩm Phả, trọng tải 8800 DWT của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam để khai thác.

+ Tháng 3/2015: Công ty đã chuyển nhượng 2 tàu 7000 DWT cho Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam và sau đó thuê lại của Tập đoàn để khai thác.

- Năm 2016: Từ ngày 01/01/2016 Công ty thuê thêm 2 tàu VINACOMIN 06 và VINACOMIN 07 của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam để khai thác.

Như vậy năm 2016 tổng số tàu của Công ty gồm: 1 tàu VINACOMIN Cẩm Phả, trọng tải 8800 DWT; 2 tàu VINACOMIN Hà Nội, VINACOMIN Hạ Long trọng tải 7000 DWT; 5 tàu VINACOMIN 01, 02, 05, 06, 07 trọng tải 3000 DWT; 2 đoàn Sà lan TKV 01, TKV 03 trọng tải 1800 tấn. Tổng trọng tải khai thác là 41.400 tấn. Công ty tiếp tục thuê phương tiện bên ngoài tham gia hoạt động.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

+)
+) Cơ cấu bộ máy quản lý

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải, chủ yếu vận tải bằng đường biển. Mặt khác Công ty là Công ty con trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, vì vậy mục tiêu chủ yếu của Công ty là phát triển đội tàu biển và sà lan đảm bảo đáp ứng 30% nhu cầu vận tải than và khoáng sản của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đi các tuyến Quốc tế và nội địa. Đồng thời, Công ty còn hướng tới việc mở rộng các hoạt động vận tải cho các đối tác bên ngoài và hoạt động kinh doanh thương mại.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Phát triển đội tàu biển đủ mạnh, làm nòng cốt để thực hiện vận tải than và khoáng sản của Tập đoàn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá bằng đường biển của nền kinh tế quốc dân.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Sự trì trệ của nền kinh tế thế giới và kinh tế trong nước, thị trường vận tải chưa có dấu hiệu khởi sắc.

- Sự biến động giá cả các nguyên liệu và dịch vụ đầu vào chủ yếu như xăng dầu, vật tư, nhân công sửa chữa thay thế ...

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016:

* Kết quả năm 2016: Công ty đã có nhiều cố gắng, tìm các biện pháp để thích ứng với tình hình sản xuất, tăng cường công tác thị trường, quản trị chi phí và năm 2016 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh về doanh thu 677.562 triệu đồng, đạt 122,37 %; lợi nhuận 13.040 triệu đồng, đạt 102%.

• Tình hình thực hiện năm 2016:

a. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2016:

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	So sánh (%)
1	Khối lượng vận chuyển	Tấn	4.250.000	4.434.736	104,35
-	Vận tải biển	Tấn	733.595	736.736	100,43
-	Vận tải sông (Sà lan)	Tấn	148.185	152.300	102,78
-	Thuê tàu vận tải than	Tấn	3.368.220	3.545.700	105,27
2	Doanh thu tổng số	Tr.đồng	581.500	614.509	105,67

3	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	162.200	158.690	97,84
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	12.800	13.040	101,87
5	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	10.062	10.062	100,00

Tổ chức và nhân sự: Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

DANH SÁCH TRÍCH NGANG LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Chức vụ		Trình độ		Ghi chú
					Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Chuyên môn	Chính trị	
1	Vũ Văn Tâm	08/4/1962	Tiên Minh, Tiên Lãng, Hải Phòng	Phường Hồng Gai, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Giám đốc	16/4/2009	- Kỹ sư điều khiển tàu biển (chính quy) - Kỹ sư quản trị doanh nghiệp	Cao cấp Lý luận Chính trị	
2	Trần Vũ Bình	03/12/1956	Đông Giang, Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	Phường Cẩm Trung, Thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	Phó giám đốc	16/7/2007	Kinh tế lao động (tại chức) - Kỹ sư Kinh tế vận tải biển (tại chức)	Cao cấp Lý luận Chính trị	
3	Trần Viết Viện	20/02/1961	Huyện Ba Vi, Tỉnh Hà Tây	Số 25, Đường 9, Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng	Phó giám đốc	01/8/2007	Kỹ sư Khai thác máy tàu biển (chính quy)	Cao cấp Lý luận Chính trị	Do bị ốm nặng nên bị chết tháng 8/2016
4	Phạm Thế Trọng Toán	12/11/1977	Thượng Hiên, Kiến Xương, Thái Bình	Tổ 6 khu 6 Yết Kiêu Hạ Long Quảng Ninh	Phó Giám đốc	01/12/2016	- Kỹ sư điều khiển tàu biển. - Thạc sỹ bảo đảm hàng hải	Sơ cấp lý luận chính trị	

5	Phạm Thị Thu Hà	20/7/ 1972	Tràng Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Phường Hồng Hải, TP Hà Long, Tỉnh Quảng Ninh	Kế toán trưởng	16/4/2007	Cử nhân Tài chính - Tín dụng (Chính quy)	Cao cấp Lý luận Chính trị	
---	------------------------	------------	------------------------------------	-------------------------------------------------------	-------------------	-----------	---------------------------------------------------	---------------------------------	--

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có
- Tổng số lượng CBCNV đến 31/12/2016: 191 người
 - + Trong đó: Gián tiếp : 42 người
 - Trực tiếp : 149 người.

Chính sách đối với người lao động: Thực hiện trả lương, thưởng theo quy chế quản lý lao động và tiền lương của Công ty. Hàng tháng người lao động được thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản lương. Đối với nhân viên văn phòng được hưởng chế độ ăn giữa ca, đối với người lao động trên các đoàn phương tiện được hưởng chế độ ăn định lượng theo quy định. Hàng năm người lao động được khám sức khoẻ định kỳ theo quy định. Đối với các thuyền viên được khám sức khoẻ chuyên ngành hàng hải. Công ty cũng đã xây dựng Quy chế trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân áp dụng cho CBCNV trong toàn Công ty. Chế độ thưởng được áp dụng theo quy chế thi đua khen thưởng của Công ty.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Trong năm 2016 Công ty không có các khoản đầu tư.

3. Tình hình tài chính:

a) *Tình hình tài chính:*

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	89.547	80.376	-10,2%
2	Doanh thu thuần	670.634	613.049	- 8,5%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.010	13.181	- 51,1%
4	Lợi nhuận khác	(25.989)	(141)	
5	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	1.021	13.040	1.178,3%
6	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	1.021	13.040	1.178,3%

b) *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán -Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) -Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,24 0,16	0,27 0,17	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn -Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần) -Hệ số Nợ/Vốn chủ SH (lần)	1,39	1,3	

3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (lần)	60,65	61,5	
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản(lần)	7,49	7,62	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số LNST/Doanh thu thuần (lần)	0,002	0,02	
	- Hệ số LNST/ Vốn CSH (lần)	-	-	
	- Hệ số LNST/Tổng tài sản (lần)	0,01	16,2	
	- Hệ số LN từ HĐKD/DT thuần (lần)	0,04	0,02	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 10.000.000 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.354.778 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 7.645.222 cổ phần
- Thị trường giao dịch: UPCOM

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam: 7.645.222 cổ phần, chiếm 76,45%.
- Cổ đông cá nhân: 2.354.778 cổ phần, chiếm 23,55%.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính 2016:

- Khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS): 2,12%; Tỷ suất sinh lợi/tổng vốn đầu tư: 13,04%; Tỷ suất lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu (ROE): 0%, Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA): 16,2%; Hệ số khả năng thanh toán: 0,27 lần.

- Phân tích những biến động những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 Công ty đã có lãi được 13.040 triệu đồng.

- Giá trị tài sản theo sổ sách tại thời điểm 31/12/2016: **80.375.800.809** đồng.

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Trong năm 2016 không thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp. Hiện tại như sau :

+ Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam hiện sở hữu 7.645.222 cổ phần;

+ Cổ đông cá nhân là 2.354.778 cổ phần

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 10.000.000 cổ phiếu

Trong đó : Cổ phiếu phổ thông: 10.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: (Không có)

(Theo từng loại: trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi ...)

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.000 cổ phiếu

Trong đó : Cổ phiếu phổ thông: 10.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (Không có)

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2016:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Thực hiện 2015	% so KH 2016	% so TH 2015
1. Tổng khối lượng vận chuyển		4.250.000	4.434.736	3.697.800	104,35	119,93
- Vận tải tàu biển	Tấn	692.700	736.736	489.753	106,36	150,439
- Vận tải sông (sà lan)		148.185	152.300	162.881	102,78	93,50
- Thuê tàu ngoài		3.368.220	3.545.700	3.045.166	105,27	116,44
2. Giá trị sản xuất	Triệu đồng	162.200	158.690	157.328	97,83	100,87
3. Tổng doanh thu	Triệu đồng	581.500	614.509	677.562	105,68	90,69
4. Lợi nhuận	Triệu đồng	12.800	13.040	1.021	101,87	1277,18
5. Lao động, thu nhập:						
- Lao động BQ:	Người	191	191	176	100,00	108,52
- Thu nhập BQ:	Triệu đồng	10.062	10.062	8.318	100,00	120,96

2.1 Những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện sản xuất năm 2016:

a. Khó khăn:

- Đội tàu Tập đoàn và Công ty không phù hợp với nhu cầu khách hàng mua than, không phù hợp yêu cầu của một số cảng tiếp nhận than.

- Giá cước vận chuyển ngoài hàng hoá than rất thấp, hoạt động khai thác không có hiệu quả.

- Công ty vẫn tiếp tục gặp những khó khăn do hoạt động sản xuất kinh doanh do từ năm 2011-2015 sản xuất không có hiệu quả. Khả năng tiếp cận và vay vốn rất khó. Khả năng thanh toán của Công ty vẫn bị hạn chế.

b. Thuận lợi :

- Nhu cầu sử dụng than trong nước tăng mạnh là cơ hội để Công ty tăng sản lượng than vận chuyển. Đặc biệt là nhu cầu vận chuyển than bằng đường biển cho các Nhà máy Nhiệt điện tăng so với năm 2014 (Nhiệt điện Vĩnh Tân 2; Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhiệt điện Nghi Sơn 1 và Nhiệt điện Duyên Hải 1) đã tạo điều kiện về nguồn hàng cho đội tàu của TKV cũng như hoạt động thuê ngoài.

- Sự quan tâm của Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc TKV tạo điều kiện cho đội tàu biển TKV hoạt động.

- Tập đoàn giao Công ty đảm nhận vận chuyển một phần tương đối lớn khối lượng than cung cấp cho các hộ tiêu thụ lớn của TKV như các nhà máy nhiệt điện, xi măng..... và đảm bảo nguồn hàng cho đội tàu biển Công ty hoạt động khai thác.

- Tập đoàn giải quyết cho Công ty thuê thêm 2 tàu VINACOMIN 06 và VINACOMIN 07 vào hoạt động từ đầu năm 2016.

*** Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016 :**

- Tổng khối lượng vận chuyển: 4.434.736 tấn = 104,35% KH

- Tổng doanh thu: 614.509 triệu đồng = 105,68 % KH

- Giá trị sản xuất: 158.690 triệu đồng = 96,33 % KH

- Lợi nhuận trước thuế: 13.040 triệu đồng = 101,87 % KH.

- Thu nhập bình quân: 10.062.000 đ người tháng = 92,79 % KH

*** Phân tích đánh giá về kết quả thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch SXKD.**

- Nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm vẫn ổn định, các chỉ tiêu chính như: Sản lượng, Doanh thu đạt kế hoạch PHKD. Riêng chỉ tiêu GTSX chưa đạt là do hoạt động khai thác đội tàu biển và sà lan chưa đạt kế hoạch đề ra .

- Sản lượng, doanh thu của đội tàu biển chưa đạt kế hoạch là do các tàu Vinacomin Hà Nội, Vinacomin Hạ Long và Vinacomin Cẩm Phả phải neo chờ dỡ

hàng tại Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải dài ngày. Hoạt động khai thác đội tàu biển và sà lan vẫn chưa có hiệu quả.

+ Các tàu 3.000 DWT được khai thác chủ yếu là vận chuyển than từ Quảng Ninh đi Nghi Sơn để cung cấp cho Công ty Xi măng Nghi Sơn và Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn, Ngoài ra còn vận chuyển hàng hóa ngoài than (Clinker, phôi thép, nông sản...). Hiệu quả thực tế của 05 tàu 3.000 DWT năm 2016 không có lãi.

+ Các tàu 8.000 DWT (Vinacomin Hà Nội, Hạ Long, Cẩm Phả) được khai thác chủ yếu vận chuyển than từ Quảng Ninh đi Duyên Hải để cấp cho nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1, tham gia chuyển tải than tại Duyên Hải và vận chuyển hàng hóa khác ngoài than từ Hà Tĩnh ra Hải Phòng.... Hiệu quả thực tế của 3 tàu bị lỗ.

- Sản lượng và doanh thu của hoạt động thuê ngoài đạt kế hoạch PHKD. Hoạt động thuê ngoài bao gồm :

+ Vận chuyển than cho TKV để cung cấp cho các hộ lớn bằng đường biển như : Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Nhiệt điện Duyên Hải 1, Nhiệt điện Nghi Sơn, Nhiệt điện Vũng Áng , Xi măng Nghi Sơn, Xi măng Tây Ninh, Prime Đại Lộc...

+ Vận chuyển than cho TKV bằng đường sông : Nhiệt điện Phả Lại, Điện Hải Phòng, Năng lượng Hòa Phát, Thép Hòa phát, Xi măng Thăng Long, Xi măng Chinfon....):

+ Vận chuyển than chuyển kho, chuyển tải với các đơn vị trong TKV

+ Vận chuyển đường biển khác (Hợp đồng với Công ty CP Than miền Nam, Công ty chế biến, kinh doanh than Quảng Ninh.

- Giá trị sản xuất thuê ngoài tăng là do Công ty đã dùng các tàu biển 8.000 tấn tham gia chuyển tải tại Duyên Hải để giảm tải cho các tàu trên 20.000 tấn do Công ty thuê để vận chuyển than cho nhiệt điện Duyên Hải.

- Giá trị sản xuất của hoạt động thuê ngoài cao chủ yếu do hoạt động vận chuyển than cho các hộ lớn bằng đường biển đã ký với TKV. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty là do hoạt động thuê ngoài.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Trong năm 2016 Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi tiêu, giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh như áp dụng giảm định mức nhiên liệu, vật tư, dầu nhờn

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

Năm 2016 và những năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các hợp đồng vận chuyển truyền thống cho Tập đoàn CN than – Khoáng sản Việt nam. Công ty sẽ chủ động hơn trong kinh doanh, đặc biệt là trong lĩnh vực vận tải bằng đường biển nội địa. Dự kiến trong năm nay và những năm tới một số nhà máy

điện như Vĩnh Tân 1, Vĩnh tân 2, Vũng áng... tiêu thụ rất lớn lượng than của mỗi Nhà máy từ 3 đến 4 triệu tấn/năm. Vì vậy chiến lược phát triển trong tương lai của Công ty là làm đầu mối vận tải than từ Quảng Ninh đi các thị trường nội địa và Quốc tế, vận tải hàng hóa hai chiều để tăng doanh thu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty tìm nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí, vật tư, nhiên liệu, tăng cường công tác thị trường. Do vậy năm 2016 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, đặc biệt về doanh thu và lợi nhuận. Năm 2016 Công ty đã có lãi 13.040 triệu đồng.

* Kết quả thực hiện:

- Tổng khối lượng vận chuyển: 4.434.736 tấn = 104,35% KH
- Tổng doanh thu: 614.509 triệu đồng = 105,68 % KH
- Giá trị sản xuất: 158.690 triệu đồng = 96,33 % KH
- Lợi nhuận trước thuế: 13.040 triệu đồng = 101,87 % KH.
- Thu nhập bình quân: 10.062.000 đ người tháng = 92,79 % KH

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị công ty gồm có 3 người. Ngày 28/4/2016 Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bầu ra Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2016-2021).

- Ông Hoàng Minh Hiếu Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 (không thay đổi).

- Ông Vũ Văn Tâm Ủy viên HĐQT từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 (không thay đổi).

- Ông Trần Vũ Bình Ủy viên HĐQT từ ngày 01/01/2016 đến ngày 28/4/2016.

- Ông Trần Viết Viện: Ủy viên HĐQT được bầu nhiệm kỳ III (2016-2021) từ ngày 28/4/2016, tuy nhiên do ốm nặng bị chết ngày 18/8/2016.

- Ông Phạm Thế Trọng Toàn: Ủy viên HĐQT được bầu bổ sung từ ngày 08/9/2016 đến 31/12/2016.

1.2 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 3 thành viên. Ngày 28/4/2016 Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bầu ra Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016-2021).

Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

- Ông Phạm Xuân Vinh Trưởng BKS từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 (không thay đổi).

- Ông Vũ Ngọc Cảnh Ủy viên BKS từ ngày 01/01/2016 đến ngày 28/4/2016.

- Bà Trần Thị Lệ Ủy viên BKS từ ngày 01/01/2016 đến ngày 28/4/2016.

- Ông Lương Đức Chính Ủy viên BKS được bầu nhiệm kỳ III (2016-2021) từ ngày 28/4/2016 đến 31/12/2016.

- Bà Vũ Thị Thu Phương: Ủy viên BKS được bầu nhiệm kỳ III (2016-2021) từ ngày 28/4/2016 đến 31/12/2016.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ II và nhiệm kỳ III được Đại hội đồng cổ đông sáng lập bầu ra gồm 3 thành viên, với chức năng quản lý các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngay từ đầu năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã phân công các thành viên trong Hội đồng và tập trung sự lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất đã tạo ra sự ổn định đồng bộ trong sản xuất kinh doanh, phù hợp với tình hình thực tiễn, đẩy mạnh công tác nâng cao chất lượng vận chuyển, kiểm soát chi phí trong sản xuất.

Hội đồng quản trị Công ty duy trì các cuộc họp thường kỳ đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện được 15 cuộc họp, ban hành 15 Nghị quyết và một số các văn bản khác để thông qua các nội dung chủ yếu như:

- Phê duyệt Kết quả sản xuất kinh doanh 2015.
- Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016;
- Phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2015.
- Phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2016.
- Phê duyệt phương án huy động vốn ngắn hạn.
- Phê duyệt phương án chuyển nhượng cổ phần của TKV tại Công ty.
- Phê duyệt phương án trả lương các Viên chức quản lý Công ty.
- Phê duyệt đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương của Công ty.
- Phê duyệt Kết quả SXKD quý I, Kế hoạch quý II.

- Phê duyệt Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông bất thường và thường niên 2016.
- Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty.
- Thông qua bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016-2021).
- Thông qua thanh toán thù lao HĐQT, BKS 2015 và phương án thù lao 2016.
- Phê duyệt Kế hoạch chi các khoản có tính chất phúc lợi 2016.
- Phê duyệt Bổ nhiệm cán bộ Công ty.
- Phê duyệt Hệ thống thang bảng lương và chế độ phụ cấp lương.
- Phê duyệt Vay vốn ngân hàng quân đội chi nhánh Quảng Ninh.
- Phê duyệt Quy chế quản lý và sử dụng tài sản Công ty.
- Phân công nhiệm vụ Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (thay đổi thành viên HĐQT đột xuất).
- Phê duyệt Quy hoạch chức danh Cán bộ Công ty giai đoạn 2016-2020.
- Phê duyệt Công tác tái cơ cấu lao động theo Chỉ thị của TKV.
- Phê duyệt Bổ nhiệm Phó Giám đốc công ty.
- Phê duyệt Bổ nhiệm Trưởng phòng Vận tải An toàn Công ty.
- Phê duyệt Điều chỉnh Kế hoạch SXKD 2016 của Công ty.
- Thông qua Kế hoạch SXKD 2017 của Công ty.
- Phê duyệt Quỹ tiền lương Viên chức quản lý và CBCNV 2016.
- Phê duyệt Thưởng tiết kiệm chi phí năm 2016 của Công ty.

Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT, bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình. Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Hoạt động của ban Kiểm soát :

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty đã được qui định tại điều 123 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định:

Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN trong năm 2016 cụ thể như sau:

- Thực hiện kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị chi phí, quản lý điều hành Công ty.

- Kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, Nghị quyết hội đồng quản trị. Quyết định, Quy chế, Quy định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty.

- Thường xuyên kiểm soát các hoạt động của Công ty thông qua kế hoạch, chương trình công tác của ban, giám sát các hoạt động của Công ty thông qua nghị quyết các kỳ họp của HĐQT và quá trình triển khai thực hiện của Giám đốc điều hành, trong tất cả các lĩnh vực thuộc quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành đã được quy định trong Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát tình hình hoạt động SXKD, báo cáo tài chính, các mặt quản lý khác của Công ty như: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, với Tập đoàn, thực hiện quyền và nghĩa vụ của các cổ đông mà Điều lệ Công ty đã quy định.

- Giám sát công tác điều hành và triển khai thực hiện của Ban Giám đốc thông qua việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty và Giám đốc Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt nam.

- Đề xuất lựa chọn kiểm toán độc lập là Cty TNHH kiểm toán BDO thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT:

* Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị năm 2016:

- Ông Hoàng Minh Hiếu: Chủ tịch: 51.840.000 đồng từ 01/01/2016 đến 31/12/2016.

- Ông Vũ Văn Tâm : Ủy viên 45.360.000 đồng từ 01/01/2016 đến 31/12/2016.

- Ông Trần Vũ Bình : Ủy viên 15.120.000 đồng (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 28/4/2016).

- Ông Trần Viết Viện: Ủy viên 15.120.000 đồng (từ ngày 28/4/2016 đến ngày 18/8/2016).

- Ông Phạm Thế Trọng Toàn: Ủy viên 11.340.000 đồng (từ ngày 08/9/2016 đến 31/12/2016).

* Các lợi ích khác: Các thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tiền chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí khác mà thành viên đó bỏ ra khi thực hiện chức trách và nhiệm vụ của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 2016:

* Thù lao của Ban kiểm soát :

- Ông Phạm Xuân Vinh: Trưởng BKS 45.360.000 đồng từ 01/01/2016 đến 31/12/2016.

- Ông Vũ Ngọc Cảnh: Ủy viên BKS 13.680.000 đồng (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 28/4/2016).

- Bà Trần Thị Lệ: Ủy viên BKS 13.680.000 đồng (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 28/4/2016)/

- Ông Lương Đức Chính: Ủy viên BKS 27.360.000 đồng (từ ngày 28/4/2016 đến ngày 31/12/2016).

- Bà Vũ Thị Thu Phương: Ủy viên BKS 27.360.000 đồng (từ ngày 28/4/2016 đến ngày 31/12/2016).

* Các lợi ích khác: Các thành viên Ban kiểm soát được thanh toán tiền chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia các cuộc họp của ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Thù lao và các lợi ích khác Giám đốc điều hành:

- Tổng tiền lương, tiền thưởng của Giám đốc điều hành năm 2016:

Ông Vũ Văn Tâm: **353.210.000** đồng.

Trong đó: - Tiền lương: 311.000.000 đồng

- Tiền thưởng: 42.210.000 đồng

Các lợi ích khác: Được thanh toán tiền chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí hợp lý khác khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: 3/3 thành viên HĐQT; 3/3 Ban kiểm soát; 2/3 thành viên Ban giám đốc có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty .

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT năm 2016:

Ông Hoàng Minh Hiếu: 2.800 cổ phần; chiếm 0,00028%.

Ông Vũ Văn Tâm: 8.400 cổ phần; chiếm 0,00084%

Ông Trần Vũ Bình: 22.032 cổ phần; chiếm 0,0022% (nguyên Ủy viên HĐQT).

Ông Trần Việt Viện: 10.500 cổ phần; chiếm 0,0010% (nguyên Ủy viên HĐQT).

Ông Phạm Thế Trọng Toàn: 408 cổ phần; chiếm 0,00004%.

- Những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT năm 2016: Không.

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn của công ty của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Kiểm toán độc lập.

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Các nhận xét đặc biệt:

Không nhằm mục đích phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến mục V.18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2016 khoản lỗ lũy kế của đơn vị 126.260.289.986 đồng vượt quá nguồn vốn kinh doanh của công ty 26.260.289.986 đồng và khoản nợ ngắn hạn của đơn vị vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 71.190.947.330 đồng. Những dấu hiệu này đã chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (Nội dung chi tiết kèm theo).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Ủy ban CKNN;
- Sở giao dịch CK Hà Nội;
- Lưu: VT, TCHC.



Vũ Văn Tâm